

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 5017/2024/DS-ST

Ngày: 22/10/2024

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Loan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Lượng

2. Ông Chu Mạnh Tường

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Hoàng Quân - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 10 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 316/2024/TLST-DS ngày 19/02/2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 7860/2024/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 9 năm 2024.

Nguyên đơn: bà Nguyễn Thanh D năm 1962

Hộ khẩu thường trú: 83 Đường C, chung cư bộ C, phường A, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền: Ông Lê Văn T, sinh năm 1953; Địa chỉ: Tổ A, H, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa (theo Văn bản ủy quyền ngày 16 tháng 10 năm 2023) (có yêu cầu vắng mặt)

Bị đơn: ông Trương Lâm H năm 1960

Hộ khẩu thường trú: 1088A Nguyễn Bá Huân, phường Thảo Điền, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ: số 56A Đường 18, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15 tháng 01 năm 2024 và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Nguyễn Thanh D1 có người đại diện ông Lê Văn T trình bày:

[1] Nội dung khởi kiện: Ngày 13/4/2021 bà Nguyễn Thanh D1 cho ông Trương Lâm H1 tiền là 2000 USD quy đổi thành 48.268.000 đồng, không thỏa thuận lãi suất). Sau khi nhận tiền, bà D1 nhiều lần liên hệ ông H2 yêu cầu trả số tiền trên, nhưng do ông H2 có hoàn cảnh khó khăn nên bà D1 cho thời gian ông H2 trả. Sau nhiều lần bà D1 liên hệ, nhưng ông H2 không hợp tác. Ngày 05/01/2024 bà D1 có làm thông báo yêu cầu ông H2 thanh toán số tiền trên trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày 05/01/2024 hạn chót 12/01/2024 nếu sau thời hạn trên mà ông H2 không thực hiện thì bà D1 khởi kiện. Nguồn tiền bà D1 cho ông H2 mượn là của cá nhân bà D1.

Ngày 05/4/2024 bà D1 có yêu cầu khởi kiện bổ sung, yêu cầu ông H2 trả số tiền là 3000 USD quy đổi thành 74.730.000 đồng. Đã được Tòa án thụ lý bổ sung ngày 08/4/2024. Ngày 20/6/2024 bà D1 yêu cầu rút một phần yêu cầu khởi kiện khởi kiện bổ sung trên.

Nay bà Nguyễn Thanh D1 yêu cầu tòa án giải quyết: Buộc ông Trương Lâm H2 phải trả cho bà Nguyễn Thanh D1 số tiền nợ 2000 USD, tỷ giá Đô la Mỹ ngày 25/9/2024 quy đổi thành 48.268.000 đồng, không yêu cầu tính tiền lãi. Ngoài ra, bà D1 không trình bày gì thêm, không có yêu cầu gì trong vụ kiện này.

Bị đơn ông Trương Lâm H3 khai: Ông H2 có quan hệ làm ăn với bà D1. Về giấy mượn ghi ngày 13/4/2021 ký giữa ông H2 với bà D1, ghi "...có mượn của chị D1 số tiền 2000 USD", thực tế ông H2 không vay mượn của bà D1 số tiền trên, mà giấy mượn tiền trên là giả cách để ông H2 thay mặt bà D1 thực hiện hợp đồng ủy quyền cho bà D1. Nay bà D1 yêu cầu ông H2 trả số tiền trên thì ông H2 đồng ý, nhưng do khó khăn nên ông H2 xin trả vào tháng 11/2024. Tòa án đã triệu tập họp lệ nhưng ông H2 vắng mặt và cũng không có yêu cầu phản tố. Ngoài ra, ông H2 không có ý kiến gì khác.

Tại phiên tòa, nguyên đơn có yêu cầu xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, thẩm phán, thư ký và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử sơ thẩm nghị án và ý kiến của Viện kiểm sát về yêu cầu giải quyết vụ án như sau:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Hội đồng xét xử, thẩm phán, thư ký đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo đúng quy định pháp luật.

Đối với những người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn có yêu cầu xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng vắng mặt. Do đó, đề nghị Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đình chỉ xét xử phần yêu cầu khởi kiện bổ sung là 3000 USD quy đổi thành 74.730.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tranh chấp giữa bà Nguyễn Thanh D1 và ông Trương Lâm H2 phát sinh từ quan hệ hợp đồng dân sự về vay tài sản thuộc trường hợp được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú trên địa bàn thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh, theo quy định tại Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn ông Trương Lâm H2 vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai mặc dù đã được triệu tập hợp lệ, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, Hội đồng xét xử áp dụng Điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chỉ yêu cầu cá nhân bị đơn là ông Trương Lâm H2 thanh toán số tiền còn nợ theo hợp đồng vay tài sản mà không yêu cầu cá nhân nào khác phải liên đới trả số tiền trên cùng với bị đơn. Vấn đề này, Hội đồng xét xử (HĐXX) thấy đây là sự tự nguyện của nguyên đơn, nên HĐXX không xem xét đến trách nhiệm thanh toán tiền vay còn nợ của người nào khác.

[2] Về nội dung:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ và bản tự khai do nguyên đơn cung cấp. Việc thỏa thuận giữa nguyên đơn và bị đơn được lập thành văn bản theo giấy mượn ghi ngày 13/4/2021. Xét, việc bà D1 và ông H2 thỏa thuận với nhau là cho mượn số tiền bằng ngoại tệ. Như vậy, việc thỏa thuận dân sự giữa các đương sự với nhau không được thực hiện bằng ngoại tệ, trừ các trường hợp được phép của Ngân hàng N quy định tại Điều 22 Pháp lệnh Ngoại hối năm 2005; Điều 29 Nghị định số 160/2006/NĐ-CP ngày 28/12/2006 của Chính phủ về Quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh ngoại hối. Nên cho vay bằng ngoại tệ là vi phạm điều cấm của luật nên việc giao kết giữa bà D1 và ông H2 là vô hiệu theo Điều 123 Bộ luật Dân sự.

Xét, về nội dung của hợp đồng, căn cứ giấy mượn ghi ngày 13/4/2021, có cơ sở xác định nguyên đơn bà D1 cho bị đơn ông H2 vay số tiền 2000 USD quy đổi thành 48.268.000 đồng và bị đơn đã nhận đủ tiền, không ghi thời hạn trả tiền. Quá trình giải quyết vụ án, ông H2 đồng ý đến tháng 11/2024 trả tiền cho bà D1, nhưng bà D1 không đồng ý. Xét, từ khi vay tiền cho đến nay ông H2 không thanh toán tiền

cho bà D1 mặc dù bà D1 đã nhiều lần yêu cầu ông H2 thanh toán tiền. Như vậy, có cơ sở xác định giữa nguyên đơn và bị đơn có ký hợp đồng vay số tiền 2000 USD quy đổi thành 48.268.000 đồng, bị đơn đã nhận đủ tiền và đến nay bị đơn chưa thanh toán tiền cho nguyên đơn, nay nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền nợ 2000 USD quy đổi thành 48.268.000 đồng, thì khi giao dịch dân sự vô hiệu thì các bên khôi phục lại tình trạng ban đầu, hoàn trả cho nhau những gì đã nhận theo quy định tại Điều 131 Bộ luật Dân sự, thì bên vay phải trả lại cho bên cho vay số tiền nợ gốc và không phát sinh nghĩa vụ trả lãi của bên vay. Giá USD do Ngân hàng N công bố tại thời điểm xét xử ngày 22/10/2024 là 1 USD = 24.228 đồng, nên 2000 USD tương đương 48.456.000 đồng. Tuy nhiên, nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn trả số tiền 48.268.000 đồng là có lợi cho bị đơn. Do đó, ông H2 có trách nhiệm trả lại cho bà D1 số tiền 48.268.000 đồng là có cơ sở chấp nhận, nên HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Bị đơn ông Trương Lâm H2 cho rằng thực tế ông H2 không vay mượn của bà D1 số tiền trên, mà giấy mượn tiền trên là giả cách, ông H2 nhận tiền của bà D1 để ông H2 thay mặt bà D1 thực hiện hợp đồng ủy quyền thay bà D1 tham gia tố tụng cho một vụ kiện khác, nhưng ông H2 cũng đồng ý trả số tiền trên cho bà D1. Xét, giấy mượn ghi ngày 13/4/2021 không liên quan đến Giấy ủy quyền ngày 18/5/2022 số công chứng 000004717 ký tại Văn phòng C1, nên có cơ sở xác định nguyên đơn bà D1 cho bị đơn ông H2 vay số tiền 2000 USD quy đổi thành 48.268.000 đồng, có chữ ký của ông H2 và ông H2 cũng đã nhận đủ tiền của bà D1, thì sự thừa nhận của đương sự là chứng cứ, nên không cần phải chứng minh theo Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với yêu cầu khởi kiện bổ sung: Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện bổ sung về việc buộc bị đơn phải thanh toán số tiền 3000 USD quy đổi thành 74.730.000 đồng. Xét, đây là sự tự nguyện của nguyên đơn, nên HĐXX chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện bổ sung theo khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Từ những phân tích và nhận định trên, HĐXX nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ và hợp pháp.

[3] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Ông Trương Lâm H2 thuộc trường hợp người cao tuổi, nên ông H2 phải có đơn đề nghị được miễn tiền án phí thì ông H2 mới được miễn tiền án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 6; khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 92; Điều 95; khoản 1 Điều 147; Điều 227; Điều 228; khoản 1 Điều 238; khoản 2 Điều 244; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 123; Điều 131; Điều 357; Điều 463; 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 22 Pháp lệnh Ngoại hối năm 2005;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thanh D1.

Buộc ông Trương Lâm H2 trả cho bà Nguyễn Thanh D1 số tiền 48.268.000 đồng (bốn mươi tám triệu hai trăm sáu mươi tám ngàn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án nếu bên bị thi hành án chưa thi hành, thì hàng tháng còn phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

2. Thi hành tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thanh D1 đối với ông Trương Lâm H2 về yêu cầu khởi kiện bổ sung 3000 USD quy đổi thành 74.730.000 đồng.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Trương Lâm H2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 2.413.400 đồng (hai triệu bốn trăm mười ba ngàn bốn trăm đồng).

5. Về quyền kháng cáo:

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết công khai.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP. Thủ Đức;
- VKSND TP. Hồ Chí Minh;
- TAND TP.HCM;
- Chi cục THADS TP.Thủ Đức;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Loan